TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2026/DS - ST
Ngày: 30 - 06 - 2026
"V/v: Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trọng Ích
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi
2. Ông Lưu Văn Đê

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2025/TLST-TCDS ngày 10 tháng 03 năm 2026 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2026/QĐXXST-TCDS ngày 05 tháng 06 năm 2026. giữa:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn A P, xã R tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn A P, xã R tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vương Văn D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn A P xã R tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt: chị H, anh D và bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Trần Thị H vắng mặt, lời khai của chị H tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Do là hàng xóm nên khi bà T đứng ra tổ chức chơi hội với số tiền 10.000.000 đồng/ 01 số bà có rủ vợ chồng chị tham gia chơi cùng do bà T là chủ hội (vì ở địa phương vẫn có phong trào chơi hội). Bản thân vợ chồng chị chơi 7 số, mỗi tháng vợ chồng chị đóng cho bà

T (tên ở nhà là S) 70.000.000 đồng, lãi là cứ 10.000.000 đồng thành 11.500.000 đồng. Sau khi đóng hội đến thời hạn lấy hội, số tiền gốc và lãi đến lượt vợ chồng chị lấy là 1.175.000.000 đồng. Khi chị xuống lấy bà T bảo do cần tiền làm ăn nên có hỏi vợ chồng chị vay lại số tiền trên. Do cũng chưa cần tiền nên vợ chồng chị đã đồng ý cho bà T vay lại số tiền trên và có viết; "Giấy nhận tiền tên tôi là Trần Thị Thúy X 1 xã P. Tôi có nhận tiền vay của cháu D Hà đội 1 xã P số tiền là 1.175.000.000 (một tỉ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) người vay Thúy Trần Thị T". Hai bên thống nhất không trả lãi, khi nào cần báo trước cho bà T để bà chuẩn bị trả. Sau một thời gian ngắn, vợ chồng xuống gặp bà T để lấy nợ thì bà T có nói do làm ăn thua lỗ và cho một số người khác vay họ chưa trả nên chưa có để trả cho vợ chồng chị. Do đòi rất nhiều lần nhưng bà T chỉ hứa chứ không trả nên vợ chồng chị đã làm đơn ra các cơ quan chức năng đề nghị giải quyết. Đến nay bà T trả được cho vợ chồng chị số tiền 30.000.000 đồng, nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho vợ chồng chị số tiền 1.145.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu trả lãi. Tại đơn khởi kiện chị H làm đơn có cả ông Q. Việc vay nợ giữa vợ chồng chị ông Phạm Văn Q chồng bà T không biết, vì vậy đề nghị tòa án không đưa ông Q vào là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt nhưng lời khai của bà T tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Bà xác định do là hàng xóm nên khi bà đứng ra tổ chức chơi hội bà có rủ vợ chồng chị H anh D tham gia chơi cùng (vì ở địa phương vẫn có phong trào chơi hội, do bà là chủ hội). Mỗi tháng số tiền chơi là 10.000.000 đồng/ 01 số. Anh Dũng chị H chơi 7 số, mỗi tháng đóng cho bà 70.000.000 đồng, lãi là cứ 10.000.000 đồng thành 11.500.000 đồng. Sau khi đóng hội đến thời hạn lấy hội, tổng số tiền chị H anh D đã đóng hội tổng gốc và lãi đến lượt anh D chị H lấy là 1.175.000.000 đồng. Khi anh chị xuống lấy hội do cần tiền làm ăn nên bà có hỏi vợ chồng anh chị Hà D1 vay mượn lại số tiền trên. Do cũng chưa cần tiền nên vợ chồng anh chị đồng ý cho mượn lại số tiền 1.175.000.000 đồng. Hai bên thống nhất không trả lãi, khi nào cần báo trước để chuẩn bị trả. Sau đó do làm ăn thua lỗ và bị những người khác lừa nên khi vợ chồng chị H xuống lấy, bà không có tiền để trả nợ cho anh chị Hà D1. Đến nay bà đã trả được số tiền 30.000.000 đồng. Hiện nay bà còn nợ số tiền 1.145.000.000 đồng. Nay anh chị Hà D1 đòi 1.145.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi bà cũng nhất trí. Việc vay nợ trên chỉ có mình bà với vợ chồng anh chị Hà D1 chứ không liên quan gì đến chồng bà là ông Phạm Văn Q. Bà đề nghị vợ chồng chị H anh D1 cho bà thu xếp trả nợ dần, nếu đòi được nợ bà sẽ ưu tiên

trả cho vợ chồng anh D1. Còn nếu không được thì sau khi bán nhà bà sẽ ưu tiên trả cho vợ chồng anh chị Hà D1 đầu tiên.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vương Văn D vắng mặt nhưng lời khai của anh D tại Tòa án thể hiện: Anh nhất trí với ý kiến của chị H, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho vợ chồng anh số tiền 1.145.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu trả lãi. Việc vay nợ giữa vợ chồng anh thì ông Phạm Văn Q chồng bà T không biết, vì vậy đề nghị tòa án không đưa ông Q vào là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đến khi xét xử tại phiên toà.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466; 469 Bộ luật dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh D chị H số tiền 1.145.000.000đồng, không phải trả lãi vay.

Về án phí: Căn cứ Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án bà T phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị H, bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đăng kí hộ khẩu thường trú và cư trú tại: xã R, tỉnh Ninh Bình. Nay chị Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đòi tài sản cho vay đối với bà Trần Thị T và Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự có mặt vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt chị H, anh D và bà T. Mọi người đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh D và bà T là phù hợp với quy định Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay xác định bà Trần Thị T có mượn của vợ chồng chị Trần Thị H, anh Vương Văn D số tiền là 1.175.000.000 đồng (một tỉ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và có viết giấy biên nhận với nhau không xác định thời hạn trả nợ, và không có lãi. nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" không kỳ hạn, theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự từ năm 2025 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Các bên đương sự chị Trần Thị H, anh Vương Văn D và bà Trần Thị T đều thống nhất trên cơ sở là quan hệ hàng xóm nên đã tổ chức hội với nhau khi đến hạn lấy hội do chưa cần sử dụng đến số tiền được lấy, vợ chồng anh D, chị H có cho bà T vay số tiền là: 1.175.000.000 đồng (một tỉ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) để làm ăn. Hai bên thống nhất khi nào cần lấy thì báo trước để bên vay thu xếp trả, không có lãi. Do cần tiền vợ chồng anh D, chị H đã báo để bà T thu xếp trả như thỏa thuận nhưng đến hạn bà T hứa nhưng không trả, đến nay mới trả được 30.000.000 (ba mươi triệu đồng). Hiện bà T xác nhận còn nợ vợ chồng anh D, chị H số tiền là 1.145.000.000 đồng (một tỉ một trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Do làm thua lỗ và cho người khác vay họ chưa trả cho bà vì vậy bà đề nghị vợ chồng chị H anh D cho bà thu xếp trả nợ dần, nếu đòi được nợ bà sẽ ưu tiên trả cho vợ chồng anh D. Còn nếu không được thì sau khi bán nhà bà sẽ ưu tiên trả cho vợ chồng anh chị Hà D1 đầu tiên.

Xét yêu cầu của vợ chồng anh D1, chị H buộc bà T trả lại cho vợ chồng anh chị số tiền gốc là: 1.145.000.000đồng (một tỉ một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) mà bà T đang nợ. T xác nhận có nợ vợ chồng anh D1, chị H số tiền trên, thấy yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với lãi suất của khoản vay: Trong quá trình giải quyết vụ án anh D1, chị H không yêu cầu trả lãi, bà T cũng nhất trí. Xét việc không yêu cầu trả lãi của anh D1, chị H thấy là hoàn toàn tự nguyện nên không xem xét giải quyết.

[5] Đối với tư cách tham gia tố tụng của ông Phạm Văn Q: Trong quá trình giải quyết vụ án anh D1, chị H và bà T đều thống nhất ông Q không liên quan gì đến việc vay nợ vì vậy đều đề nghị không đưa ông Q vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đưa ông Phạm Văn Q vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Trả lại cho chị Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

Bị đơn bà Trần Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà T có đơn đề nghị Tòa án xem xét giảm cho bà một phần án phí vì điều kiện kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận vì vậy giảm cho bà T một phần án phí (50% số tiền án phí mà bà T phải nộp).

[7] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, Điều 271và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 13 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1;

1.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Trần Thị H, anh Vương Văn D có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Thị T chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Số tiền tạm ứng án phí là 23.800.000 đồng mà chị Trần Thị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001066 ngày 10/03/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được trả lại cho chị Trần Thị H.

Buộc bà Trần Thị T phải nộp 23.175.000 đồng (*Hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho người có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND Khu vực 11;
- Phòng THADS Khu vực 11;
- Các đương sự;
- UBND xã Rạng Đông;
- Lưu văn phòng; HSVA.

Trần Trọng Ích